

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P3+P11	7:25	20+0+2	0+0+0		19+0+2	0+0+0	CHUYEN 1 P3-P11
2		PPD+TD2+TD1	7:25	13+9+0	0+0+0		7+14+0	0+0+0	CHUYEN 1 TD2-TD1
3		PVD1+GTCT1+CTK3	7:25	5+1+16	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYEN 2 PVD1-GTCT1
4		AMD+HST+HSD	7:25	19+2+1	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
5		RP3+TD2+RC3	9:25	17+5+0	0+0+0		8+10+1	0+0+0	CHUYEN 4 TD2-RC3
6		PPD+P10+BK15	9:25	17+5+0	0+0+0		17+0+4	0+0+0	
7		CTK3+BK4+P7	9:25	13+0+9	0+0+0		9+4+8	0+0+0	
8		BK14+BK9+P2	9:25	10+5+7	0+0+0		9+6+7	0+0+0	
9		AMD+BK19+P6	11:25	20+2+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	
10		P4+P8	11:25	22+0	0+0		20+2	0+0	CHUYEN 1 p4-p8
11		PPD+CTK3+RCDM	11:25	10+10+0	0+0+0		6+6+8	0+0+0	
12		P2+BK20-VSP02	11:25	16+1+5	0+0+0		4+1+15	0+0+0	
13		T.UNG	11:25	19	0		18	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	TO: P7 - P3 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P7				40	75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7					66	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P7					60	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀU VĂN MINH	P7					74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P7	76	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC QUANG	P7	66	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NAM	P7	77	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	61	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NHẬT QUANG	P7					60	KHOAN	Vietnamese
10	VU MINH PHƯƠNG	P7	70	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN ĐỨC	P7	71	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TUẤN ANH	P7	72	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI VĂN TOÀN	P7	73-75	3	22		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P7	64-65	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P7	78-79	2	19		81	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH TRUNG NGHĨA	P7	67	1	2	40	69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P7	58	1	11	29	75	CODIEN	Vietnamese
18	ĐO ĐỨC ANH	P7	62-63	2	22		79	CODIEN	Vietnamese
19	VU XUÂN CHÍNH	P7	57	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ QUANG TUẤN	P11	65	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHƯƠNG THỊ THANH ĐỨC	P11	68	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	19	19	128	1.370	109	19		CHUYEN 1 PAX P3-P11
2	P3	0	0	0	0	0	0		
3	P11	2	2	11	136	20	2		
TOTAL		21	21	139	1.506	129	21		
WEIGHT KG				139	1.506	129			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

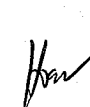
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PPD - TD2 - TD1	CREW: TTrung - VLinH - MQUÂN - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH KHIẾT	PPD	16	1	5	40	69	DNV	Vietnamese
2	TRƯỜNG TRỌNG THI	PPD	14	1	5	27	67	T-TIN	Vietnamese
3	TRANG CÔNG THIÊN	PPD				22	61	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN TEO	PPD	17	1	5		54	PSV	Vietnamese
5	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	19	1	5		66	DUY LINH	Vietnamese
6	LÊ QUANG THẮNG	PPD	20	1	6		67	DUY LINH	Vietnamese
7	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	13	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN MINH	PPD	57	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	15	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	18	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ SỸ KHOA	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	56	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VĂN CHÍNH	TD2				50	85	KHOAN	Vietnamese
15	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	58	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGỌC DUNG	TD2	53	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ VĂN BÁC	TD2	57	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	59	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
19	BUI NGỌC ĐỖ	TD2	60	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	55	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ XUÂN HAI	TD2	56	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	54	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

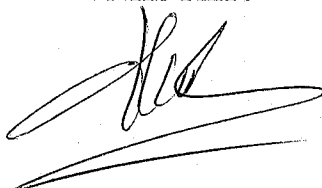
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	10	48	846	89	7		CHUYEN 01 PAX TD2 - TD1
2	TD2	9	8	39	679	50	14	+1	
3	TD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	18	87	1.525	139	21		
WEIGHT KG				87	1.525	139			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

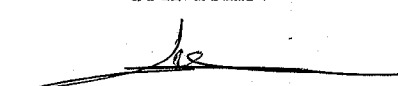
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	TO: PVD1 - GTC1 - CTK3	CREW: VTHU - Hạnh - DSon - HIẾU	ETA: 09:40
NAU-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH XUÂN	PVD1	62	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TUÂN ANH	PVD1	51-52	2	10		81	PVDWS	Vietnamese
3	NGÔ VĂN CUÔNG	PVD1	63	1	11		69	PVDWS	Vietnamese
4	ĐINH NGỌC HIẾU	PVD1	65	1	10		78	PVDWS	Vietnamese
5	LÊ TUNG PHONG	PVD1	64	1	4		62	PVDWS	Vietnamese
6	VŨ VĂN TIỀN	GTC1	67	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LỘC	CTK3	48-50	3	15		62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MINH TAM	CTK3	45-47	3	15		68	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THIỆN	CTK3	30-31	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUÂN HIẾU	CTK3	42	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	39	1	6		43	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	29	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	44	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	40	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TIỀN DŨNG	CTK3	36-37	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	33	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	38	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	41	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	34-35	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG TUNG	CTK3	32	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	5	6	46	357	0	2	2	CHUYEN 2 PAX PVD1-GTC1
2	GTC1	1	1	11	68	0	0		
3	CTK3	16	22	139	1.070	0	20		
TOTAL		22	29	196	1.495	0	22		
WEIGHT KG				196	1.495	0			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	TO: AMD - HST - HSD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LTuấn- CHIẾN - THỤ -	ETA: 09:30
VANG-1		N.Cương	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY LAM	AMD	65	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
2	DUONG NHAT QUANG	AMD	49	1	10		63	BAB	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUY	AMD	52	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN HA	AMD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THANH HUNG	AMD	55-56	2	20		57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VAN PHA	AMD	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	YA LOC	AMD	53-54	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THUY	AMD	70	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG LONG	AMD	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG THE HIEN	AMD	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CAN	AMD	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO BA THANH	AMD	71	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN QUOC VIET	AMD	62-63	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYEN	AMD	67-68	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TUAN ANH	AMD	59-60	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM ANH NGU	AMD	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUONG	AMD	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH KHANH	AMD	64	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DINH	AMD	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VO TRUNG HIEU	HST	96-97	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN PHANG	HSD	38	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN THANH MAI	HSD	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

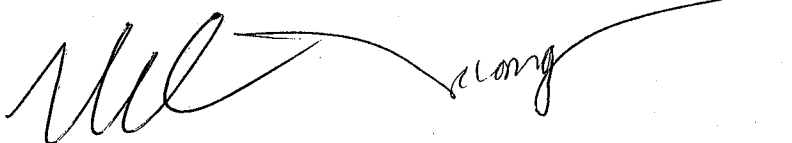
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	24	152	1.291	0	16		
2	HST	1	2	10	77	0	2		
3	HSD	2	2	12	126	0	4		
TOTAL		22	28	174	1.494	0	22		
WEIGHT KG				174	1.494	0			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2022	TO: RP3 - TD2 - RC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					68	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	48	1	3		68	KHI	Vietnamese
3	DIỆP XUÂN PHONG	RP3	47	1	5		71	KHI	Vietnamese
4	HỒ TUẤN HÙNG	RP3	44	1	5		85	KHI	Vietnamese
5	TRẦN THANH TÙNG	RP3	59	1	9		80	XAYLAP	Vietnamese
6	LUƠNG VĂN LÊN	RP3	62-63	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN VUI	RP3	55-56	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM MINH TRUNG	RP3	60-61	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP3	64-65	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN HẠNH	RP3	57-58	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN DŨNG	RP3	45-46	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC NGỌC	RP3	49-50	2	10		51	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÂN	RP3	68-69	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐINH QUANG DŨNG	RP3	66-67	2	25		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NHÂM NGỌC THANH	RP3	53-54	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	51-52	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ LÊ HÙNG	RP3	70-71	2	21		50	XAYLAP	Vietnamese
18	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	TD2	44	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH EM	TD2	46	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ HỮU HUY TU	TD2	47	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ THANH TU	TD2	48	1	7		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	28	237	1.161	0	8		CHUYEN 4 PAX TD2-RC3
2	TD2	5	5	25	358	0	10	4	
3	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	33	262	1.519	0	19		
WEIGHT KG				262	1.519	0			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	TO: PPD - P10 - BK15	CREW: TTrung - VLinH - MQUÂN -	ETA: 11:45
CAM-2		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ QUANG HUY	PPD				100	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NAM	PPD				46	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	55	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NHẬT QUANG	PPD	50	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THẮNG	PPD	51	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	52	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	05	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	54	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HUY	PPD	43-44	2	12		70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM THANH ĐỎ	PPD	42	1	8		75	KHI	Vietnamese
14	ĐÀO NGÂN LÂM	PPD	45-46	2	20		64	KHI	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TIỀN	PPD	03	1	8		69	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN KIỀU	PPD	02	1	10		55	KHI	Vietnamese
17	LƯU VĂN DUY	PPD	04	1	10		48	KHI	Vietnamese
18	LE VAN LOI	PPD				29	57	TH-TIN	Vietnamese
19	K LỘC	P10	12-13	2	18		69	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ PHƯƠNG NAM	P10	07-08	2	10		75	SINHHUNG	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P10	05-06	2	17	15	65	SINHHUNG	Vietnamese
22	NGUYỄN TIỀN HOA	P10	09-10	2	11		73	SINHHUNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	15	103	1.228	175	17		
2	P10	4	8	56	282	15	0		
3	BK15	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	159	1.510	190	21		
WEIGHT KG				159	1.510	190			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - BK4 - P7	CREW: VTHU - Hạnh - DSon	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÃN QUANG TUÃN	CTK3	95-96	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VÃN BÃC	CTK3					50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYÃN QUANG CHUÔNG	CTK3	90	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÃNG QUANG HUY	CTK3	100	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÃN VÃN CHUYÃN	CTK3	92	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÃO ĐỨC THÃNG	CTK3	87	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYÃN PHÚC PHUÔNG	CTK3	89	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÃNG VIỆT HUNG	CTK3	94	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYÃN VÃN NÃM	CTK3	88	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÃM NGỌC CHIÃN	CTK3	91	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH TOÃN	CTK3	97-98	2	14		101	KH-THAC	Vietnamese
12	TRÃN NGỌC HIẾP	CTK3	93	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYÃN VIỆT TIÃN	CTK3	99	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYÃN HÔNG YÃN	P7	85	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRÃN ĐÃI THÃNG	P7	95-96	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
16	PHÃM VÃN TÃN	P7	89-90	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI THANH TỤ	P7				19	61	XAYLAP	Vietnamese
18	TRỊNH ĐÃC HUNG	P7	86	1	20	55	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYÃN NGỌC ĐÔNG	P7	87-88	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYÃN HỮU LONG	P7	94-95	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYÃN VÃN ĐUÔNG	P7				26	67	XAYLAP	Vietnamese
22	VÕ TÃ HOÃN	P7	91-92	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	14	90	877	0	9		
2	BK4	0	0	0	0	25	4		
3	P7	9	12	116	606	100	8		
TOTAL		22	26	206	1.483	125	21		
WEIGHT KG				206	1.483	125			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2022	TO: BK14 - BK9 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LTuấn- CHIẾN - THỤ -	ETA: 11:50
VANG-2		N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM THAI	BK14	63	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH TUAN	BK14	59	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN CO	BK14	57	1	4	45	50	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH HA	BK14	61-62	2	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET LONG	BK14	58	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	BK14	55	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH HAI	BK14	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN KHAC THANG	BK14	56	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH QUANG KHANH	BK14	53-54	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN TIEN CUONG	BK14	52	1	6		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VIET HA	BK9	73	1	10		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DINH NGU	BK9	77	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	VO THE HAU	BK9				30	71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HUU TRUNG	BK9	74	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	BK9	75-76	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG VAN THU	P2	77	1	8		72	PSV	Vietnamese
17	HO HUU PHUONG	P2	87	1	7		87	PSV	Vietnamese
18	TRAN DOAN HUONG	P2	76	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TINH	P2	78-79	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
20	TRAN DUC DAT	P2	82-83	2	15		63	CODIEN	Vietnamese
21	TRAN CAO TUAN	P2	80-81	2	15		66	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN MINH TUNG	P2	84-85	2	12	20	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	10	12	65	670	45	9		
2	BK9	5	5	31	356	30	6		
3	P2	7	11	79	506	20	7		
TOTAL		22	28	175	1.532	95	22		
WEIGHT KG				175	1.532	95			

GRAND TOAL: 1.802 KGS + 6

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	TO: AMD - BK19 - P6	CREW: MTHAO - VThắng - DTùng	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI THANH THAO	AMD	01	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN GIANG	AMD	92	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC NHA	AMD	81-82	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VIET THANG	AMD	95-96	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC TAN	AMD	93-94	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MINH	AMD	87-88	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	AMD	89-90	2	14		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LUONG	AMD	76	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TRI HUNG	AMD	99	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE XUAN TUAN	AMD	97-98	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TAN VUONG	AMD	73	1	8		68	PSV	Vietnamese
12	PHAM VAN DUNG	AMD	85-86	2	7		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DOANH	AMD	83-84	2	11		65	PSV	Vietnamese
14	NGHIEM XUAN THANG	AMD	74	1	10		70	HA VIET	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUAN	AMD	79-80	2	12		68	HA VIET	Vietnamese
16	CAO THANH SON	AMD	91	1	8		67	HA VIET	Vietnamese
17	MAI VAN THIN	AMD	75	1	8		70	HA VIET	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	AMD	02	1	12		61	HA VIET	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	AMD	3000	1	8		50	HA VIET	Vietnamese
20	NGO VAN BINH	AMD	77-78	2	10		64	HA VIET	Vietnamese
21	VU ANH TUAN	BK19	71	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC MINH	BK19	69-70,72	3	20		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	30	228	1.328	0	20		
2	BK19	2	4	28	145	0	0		
3	P6	0	0	0	0	81	2		
TOTAL		22	34	256	1.473	81	22		
WEIGHT KG				256	1.473	81			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:25
FLIGHT: 10	TO: P4 - P8	CREW: VTHU - Hạng - D Sơn	ETA: 14:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔN THẮT HOÀNG QUÂN	P4	83	1	7	40	84	KHI	Vietnamese
2	TRẦN BÌNH ĐỨC	P4	61	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	PHẠM LINH TUNG	P4	60	1	4		72	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG LONG	P4	59	1	5		85	KHI	Vietnamese
5	ĐÌNH VŨ TIẾN	P4	05	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TUẤT	P4	62	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH THU	P4	07	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P4	66	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
9	HA MẠNH DŨNG	P4	06	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN PHU NAM	P4	10	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LUƠNG	P4	01	1	14		50	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	44	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN KHÁNH	P4	08-09	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM KHÁNH	P4	03-04	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P4	11-12	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	P4	55-56	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
17	VUONG THÈ HA	P4	69-70	2	14		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM THẠCH	P4	57-58	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	67-68	2	20		83	XAYLAP	Vietnamese
20	BIÊN XUÂN THẮNG	P4	64-65	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TUẤN	P4	63	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HOÀN	P4	02	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	30	284	1.495	40	20	4	CHUYEN 1 PAX P4-P8
2	P8	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	30	284	1.495	60	22		
WEIGHT KG				284	1.495	60			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2022	TO: CTK3 - PPD - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 14:05
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THO BAN	CTK3	70-71	2	12		82	BASON	Vietnamese
2	LÊ VĂN BA	CTK3	85	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	75	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC HẬU	CTK3				22	60	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	CTK3				20	61	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN DUY TIẾN	CTK3	78	1	10	15	73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CUÔNG	CTK3	76-77	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VIỆT	CTK3	74	1	7		76	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VIỆT	CTK3	86	1	8		61	PSV	Vietnamese
11	ĐOÀN QUANG KHÁNH	CTK3	72-73	2	16		55	BA SON	Vietnamese
12	BUI VĂN TRỌ	PPD	2000	1	15		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỦ	PPD	96	1	5		63	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH	PPD	95	1	8		59	KHI	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG THANH	PPD	92	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
16	WILLIAM THOMAS REED	PPD				18	90	T-TIN	American
17	ĐẠO HỮU DUNG	PPD	90-91	2	13	12	60	T-TIN	Vietnamese
18	ĐỖ THANH HÙNG	PPD	93-94	2	11	70	65	YTE	Vietnamese
19	TÀ QUANG PHÚC	PPD	97	1	7		109	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	98	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	DANG TRONG DAT	PPD	99	1	10		65	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	11	75	741	57	6		
2	PPD	10	11	89	721	100	6		
3	RCDM	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	22	164	1.462	157	20		
WEIGHT KG				164	1.462	157			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:20
FLIGHT: 12	TO: P2 - BK20 - VSP02	CREW: Linh - Duong - Huy	ETA: 14:10
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU TRONG	P2	28-29	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
2	PHUNG BA DE	P2	26-27	2	15		69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG	P2	30	1	15	30	72	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM NGOC PHUONG	P2	31	1	12	30	73	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC GIAP	P2	14-15	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN SON ANH	P2	09	1	15		89	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHONG	P2	19-20	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN NAM	P2	10	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC CUONG	P2	16	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM NGOC NAM	P2	21-22	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LUONG DUC DAN	P2	11-12	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUONG	P2	17-18	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VU QUANG DUONG	P2	23-24	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
14	LE ANH VU	P2	25	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUAN	P2	13	1	12		83	DK9	Vietnamese
17	NGUYEN HIEU TRUNG	BK20	88	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUOC HOAN	VSP02	12	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC TU	VSP02	11	1	6	33	82	PSV	Vietnamese
20	LUONG TRONG DUONG	VSP02	15	1	7		54	PSV	Vietnamese
21	LE VAN CHI	VSP02	13	1	4		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HUNG	VSP02	14	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	23	216	1.138	60	4		
2	BK20	1	1	5	78	0	1		
3	VSP02	5	5	31	329	33	15		
TOTAL		22	29	252	1.545	93	20		
WEIGHT KG				252	1.545	93			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:10
FLIGHT: 13	TO: T.UNG	CREW: <i>Miền</i> - TRƯỜNG	ETA: 14:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZELENSKY A.	T.UNG	63	1	3	33	87	KH-THAC	Russian
2	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	73	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG					74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	71-72	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	70	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	69	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU XUÂN TÂM	T.UNG					77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THI	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	67	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	65	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	74	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TUẤN	T.UNG	78-79	2	18		59	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ HÙNG	T.UNG	77	1	8	80	80	T-TIN	Vietnamese
15	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	76	1	6		70	YTE	Vietnamese
16	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	83	1	3		60	PSV	Vietnamese
17	LÊ NHỎ CANG	T.UNG	66	1	8		70	PSV	Vietnamese
18	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	64	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	TÔ CÔNG MINH	T.UNG	75	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	18	109	1.376	113	18		
TOTAL		19	18	109	1.376	113	18		
WEIGHT KG				109	1.376	113			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN